Đơn vị	Mã GV	Họ	Tên	THỜI GIAN COI THI VÀ GIÁM SÁT THI CỦA GIẢNG VIÊN NĂM HỌC 2019-2020																																				Tổng giờ chuẩn
				T1	T2	T3	T4	T7	T8	T10	T11	T12	T13	T14	T15	T16	T17	T18	T19	T20	T21	T22	T23	T24	T42	T43	T44	T45	T46	T47	T48	T49	T50	T51	T52	T53	T54	T55	T56	T57	
K.XÂY DỰNG																																								
K.XÂY DỰNG	T.Anh	Nguyễn Minh Tuấn	Anh		0,88								1,38	1,00				0,75	4,38	4,88	3,88	1,44								0,75	1,13										20,44
K.XÂY DỰNG	C.Bàn	Phan Công	Bàn																																						
K.XÂY DỰNG	Đ.Châu	Ngô Đình	Châu										1,38	0,50				0,50	2,13	3,63	2,63												2,13	2,75						15,63
K.XÂY DỰNG	Th.Chung	Nguyễn Thành	Chung				1,13					1,13	1,38	1,00	0,94			1,25	3,00	4,38	6,13	1,44			0,75													2,75		25,25
K.XÂY DỰNG	T.Công	Nguyễn Thành	Công			1,13							1,38	1,00	0,94		1,13	1,25	3,25	4,56	4,38	2,06										2,25		3,42	3,50	1,25	2,38	1,50	1,63		36,98
K.XÂY DỰNG	C.Đức	Nguyễn Công	Đức										1,38				2,06		0,50	2,50	2,63	1,13										1,13	1,63	2,00	1,50	1,25	1,13	0,75		19,56
K.XÂY DỰNG	P.Dũng	Phạm Hoàng	Dũng										0,75						1,88	2,63	3,13								0,50			0,50	2,00	0,75		1,13	0,75			14,00
K.XÂY DỰNG	H.Giang	Hà Hoàng	Giang				1,13					1,13	1,38	0,50					2,00	1,50	2,75													3,38	3,50	3,00	1,63	0,75	2,00		24,63
K.XÂY DỰNG	T.Hải	Nguyễn Thanh	Hải										0,63	1,00				0,75	1,63	2,63	3,00	0,94											0,50	2,94	1,50	1,50	1,88	1,50			20,38
K.XÂY DỰNG	D.Hiếu	Phạm Duy	Hiếu		0,75	1,13	1,13					1,13	1,38	0,50			0,75	1,75	2,00	5,63	3,63	0,94	0,75										0,50	2,63	3,50	0,50	3,38	2,25	1,56		35,75
K.XÂY DỰNG	H.Lâm	Võ Huy	Lâm		1,50	2,25	1,88				0,75	1,13	3,63	0,50	0,75		2,06	1,50	4,13	4,13	2,50	1,50		0,50		0,75					1,13	1,63	3,38	3,25	1,75	3,25	2,25	1,38		47,44
K.XÂY DỰNG	K.Oanh	Đỗ Thị Kim	Oanh											1,00					2,88	1,38	4,88														0,75			2,00		12,88
K.XÂY DỰNG	M.Sang	Lương Minh	Sang		1,69								0,75	0,50				1,25	3,50	5,81	4,38	0,94			0,75							2,13	2,88	3,50	1,00	2,38	2,25	1,63		35,31
K.XÂY DỰNG	Tr.Sinh	Lê Trường	Sinh		0,75																																			0,75
K.XÂY DỰNG	N.Tân	Phạm Ngọc	Tân																																					
K.XÂY DỰNG	Đ.Tân	Đặng Ngọc	Tân	0,50	0,75		1,13				0,75				1,13		2,06		2,38	3,50	3,38	2,81								1,88		2,00	1,50	3,50	0,50	3,63	1,50	2,56		35,44
K.XÂY DỰNG	D.Tiến	Ngô Duy	Tiến		0,75								1,38	1,00				0,75	2,88	3,63	5,75	2,06									1,13			1,50			2,75		23,56
K.XÂY DỰNG	C.Tín	Lê Nguyễn Công	Tín																		4,50	0,94	0,75				1,88						3,25	4,25	2,75	1,88	2,25	2,63		25,06
K.XÂY DỰNG	B.Toàn	Nguyễn Bá	Toàn				1,13						2,50	1,00				0,75	2,25	4,88	0,75	1,50									0,50	0,75	2,75	3,00	0,50	2,63	0,75	0,63		26,25
K.XÂY DỰNG	M.Trang	Nguyễn Huỳnh Minh	Trang										1,38	1,00					2,13	3,75	2,13								0,75			0,50	2,63	0,75	0,50	1,88				17,38
K.XÂY DỰNG	V.Trí	Lê Văn	Trí	0,94	2,00									0,50	0,75		0,75	0,56	2,25	3,88	2,25	0,75	0,75							1,13		1,25	2,75	1,00	0,50	2,81		0,63		26,44
K.XÂY DỰNG	V.Trinh	Lê Văn	Trinh										1,38	0,50					1,13	2,13	1,13	0,94												1,50	0,50	1,13	2,13	2,63		15,06
K.XÂY DỰNG	L.Đ.Vinh	Lê Đình	Vinh										0,75	0,50					1,13	1,38	1,63	0,94											1,50	2,25			0,75			10,81
K.XÂY DỰNG	M.Xanh	Đoàn Mộng	Xanh											1,75					2,13		3,13	0,75																		7,75
K.XÂY DỰNG	Đ.Tú	Huỳnh Đức	Tú		0,75								0,63	1,00					2,88	4,13	1,13	1,69									0,50			1,50	4,25	1,25	3,00	2,25	2,56		27,50
K.XÂY DỰNG	L.Trường	Dương Lê	Trường									0,50	1,38	0,50	1,13			0,75	3,63	4,25	5,75											0,50	2,63	3,50	3,25	3,00	0,75	2,00		33,50
K.XÂY DỰNG	H.Tính	Lê Hữu	Tính									1,13				1,13		1,00	1,13	4,63	4,13												1,13	0,75	0,75	1,63				17,38
K.XÂY DỰNG	Tr.Quang	Phạm Trí	Quang			1,13							2,50	1,00	1,13				4,00	3,50	6,19	1,13											0,50	2,63	3,50		2,63	2,44	3,38		36,69
K.XÂY DỰNG	V.Đồng	Lê Văn	Đồng	0,94	2,25							1,13	0,75		1,13		1,13	1,50	2,25	4,38	4,38	0,94									1,13		2,38	3,13	2,25		1,50	0,75	1,38		33,25
K.XÂY DỰNG	H.Phúc	Nguyễn Hoàng	Phúc	1,44		1,13	0,75					0,50	0,50	3,25			1,13	0,50	1,13	1,00		2,81					0,75				1,88		1,63	2,00	2,00	1,50			0,94	0,75	23,56
K.XÂY DỰNG	Đ.Trung	Phạm Đình	Trung																	2,63	3,00																			5,63
K.XÂY DỰNG	H.Thuận	Đoàn Huỳnh	Thuận										1,50	0,50					0,50	4,38												0,88		0,63	0,75					9,13
K.XÂY DỰNG																																								
K.KINH TẾ																																								
K.KINH TẾ	V.Cần	Trịnh Văn	Cần													1,88	0,75	0,50	1,50	1,25	3,38	0,94						1,13		2,25	1,75		4,81	0,75	1,50	2,25				24,63
K.KINH TẾ	Th.Cúc	Nguyễn Thị	Cúc											0,50					1,25	4,13	2,63			0,50	0,50	0,75	0,50			0,75	3,50	4,30	4,13	3,00	5,70	3,44	1,00			36,56
K.KINH TẾ	Th.Dương	Vương Thị Thùy	Dương																											0,75	1,13	1,13	2,13							5,13
K.KINH TẾ	T.Hiếu	Nguyễn Thị Thu	Hiếu													0,94				3,38	4,00								0,75		1,25	0,75	2,63	2,00			0,50			16,19
K.KINH TẾ	B.Hồng	Đào Thị Bích	Hồng					0,75								1,13	1,13		1,63	4,13	3,38	0,75	0,50		0,75	1,00	0,75			1,50		3,15	2,54	2,25	1,25	3,00	0,75			30,32
K.KINH TẾ	A.Nhân	Lê Thị Ái	Nhân		1,75			0,75								2,44				3,63	4,88				1,25	0,50	1,25	0,75			0,75	0,50	1,75	1,00	1,25	7,55	2,38	0,50			32,86
K.KINH TẾ	T.Thiềm	Trần Thị	Thiềm										0,50	0,50		0,75		2,00		1,63	3,25	0,75		0,50																9,88
K.KINH TẾ	Tr.Vũ	Đặng Lê Trần	Vũ		0,75			0,75					0,50			1,13	1,13	1,50	1,25	3,25	1,88	2,00					1,13		1,13		1,50	3,00	2,40	4,75	1,50	6,05	2,13	1,75			39,45
K.KINH TẾ	V.Khánh	Võ Lê Duy	Khánh					0,75					1,38			1,31	0,75	1,25	1,50	5,00	3,75							0,94	0,75	0,75		0,75	2,88	4,13	1,50		0,50			27,88
K.KINH TẾ	K.Trọng	Nguyễn Thị Kim	Trọng																		1,50																			1,50
K.KINH TẾ	O																																							
K.KTHT-ĐT																																								
K.KTHT-ĐT	Th.Dần	Phan Thanh	Dần															0,75			0,75												1,63							3,13
K.KTHT-ĐT	T.Hùng	Nguyễn Thế	Hùng							1,25																															1,25
K.KTHT-ĐT	T.Tám	Huỳnh Tấn	Tám															2,06	1,63	4,75	3,25	0,75												2,50	1,44	2,88	1,00			20,25
K.KTHT-ĐT	V.Thái	Lê Văn	Thái		1,13								1,25	1,00				1,31	3,75	2,63	3,38		0,50									1,13	0,63	1,13	0,50					18,31
K.KTHT-ĐT	Đ.Thường	Lê Đức	Thường																																					
K.KTHT-ĐT	H.Xuyên	Cao Thị Hà	Xuyên																														0,94		1,13					2,06
K.KTHT-ĐT	Th.Diễm	Nguyễn Thị	Diễm		0,75					2,00									3,75	4,25	3,38	1,69										0,75	3,13	2,50	0,94	1,13	1,25			25,50
K.KTHT-ĐT	Th.Trúc	Hồ Thanh	Trúc																														1,50	3,00	2,75	1,25	0,94				9,44
K.KTHT-ĐT																																								
K.CẦU ĐƯỜNG																																								
K.CẦU ĐƯỜNG	T.Bích	Lương Thị	Bích																																					
K.CẦU ĐƯỜNG	K.Cường	Nguyễn Kim	Cường										0,75	0,50																										1,25
K.CẦU ĐƯỜNG	Đ.Quân	Lê Đức	Quân																2,13	2,88	3,25													2,00	0,75	0,75				11,75
K.CẦU ĐƯỜNG	Q.Thuận	Vũ Quang	Thuận	1,25	0,75							1,63	0,50	1,00					2,00	3,38	5,44								0,75		1,25	1,69	1,75	2,63	2,25	4,38	2,25	1,25			34,13
K.CẦU ĐƯỜNG	Đ.Thông	Nguyễn Đắc	Thông	1,00							2,06			1,00	0,75			0,50	1,25	3,38	4,63	2,44		1,00					0,75		2,25		1,38	4,75	2,00	0,75					29,88
K.CẦU ĐƯỜNG	Th.Chương	Cao Thanh	Chương	1,75	2,06					0,75	1,13		1,25	1,00	0,75	1,13	1,44		2,13	4,00	4,25	1,69					3,00						0,50	3,06	3,25	2,25	3,13	1,50	0,63		40,63
K.CẦU ĐƯỜNG	T.Danh	Nguyễn Thanh	Danh																1,13	1,13	3,13												0,75		0,50		0,75			7,38
K.CẦU ĐƯỜNG	Th.Toàn	Võ Thanh	Toàn								0,75								1,75	4,25	3,63	0,75										0,63	1,38	1,25	0,50		0,75	0,63		16,25
K.CẦU ĐƯỜNG	V.Thao	Trịnh Văn	Thao										2,13	1,00					2,13	6,56	6,06											1,75	4,00	2,25				0,75		26,63
K.CẦU ĐƯỜNG	Th.Vũ	Nguyễn Thanh	Vũ	3,50	2,75				0,75		2,25	1,63	2,13	1,00	0,94		0,75	1,50	4,13	7,00	6,69	1,69		0,50		0,50	3,00				2,19	1,25	2,38	4,63	2,50	2,63	0,75	0,63		57,63
K.CẦU ĐƯỜNG	S.Vinh	Nguyễn Sĩ	Vinh		0,50						0,94	0,50	0,50	1,00				1,25	1,38	3,75	5,25	1,69							0,50			0,50			0,75		0,75	0,63		19,88
K.CẦU ĐƯỜNG	Ng.Lượng	Nguyễn Ngọc	Lượng		1,13				0,75		2,06	1,63	1,13	1,00	0,75				3,88	5,56	3,63	2,19										1,00	2,31	4,38	1,75	3,13	1,50	0,63		38,38
K.CẦU ĐƯỜNG	Th.Sơn	Nguyễn Thành	Sơn																	3,38	5,13													0,50						9,00
K.CẦU ĐƯỜNG	O																																							

Đơn vị	Mã GV	Họ	Tên	THỜI GIAN COI THI VÀ GIÁM SÁT THI CỦA GIẢNG VIÊN NĂM HỌC 2019-2020																																				Tổng giờ chuẩn
				T1	T2	T3	T4	T7	T8	T10	T11	T12	T13	T14	T15	T16	T17	T18	T19	T20	T21	T22	T23	T24	T42	T43	T44	T45	T46	T47	T48	T49	T50	T51	T52	T53	T54	T55	T56	T57	
K.K TRÚC																																								
K.K TRÚC	Đ.Đức	Ngô Đa	Đức																0,75	1,63	1,25													0,50						4,13
K.K TRÚC	V.Hiển	Trần Văn	Hiển																																						
K.K TRÚC	N.Hòa	Đinh Ngọc	Hòa										1,00	0,50					3,63	5,13	4,88	1,69											1,94	2,25	3,75	1,13	1,50		0,75	28,13
K.K TRÚC	D.Linh	Đặng Duy	Linh	0,75	1,13		0,75																										1,25	1,50		0,75		0,50		6,63
K.K TRÚC	A.Nương	Nguyễn Thị Ái	Nương		0,75																										1,25	0,50		3,50	3,38	1,50	1,50			12,38
K.K TRÚC	Đ.Quý	Ngô Đức	Quý											0,50					3,13	2,13															2,00					7,75
K.K TRÚC	M.Tân	Ngô Minh	Tân								1,13		0,63						3,00	2,38	2,25											1,13	0,75	4,00		0,50				15,75
K.K TRÚC	Tr.Thức	Trần Trọng	Thức		1,88		0,75						1,38	1,13					2,75	2,13	3,75								0,50	1,63	1,88			1,50	0,75					20,00
K.K TRÚC	Th.Thủy	Dương Thị Thu	Thủy		0,50								0,75	1,00			0,75		6,25	4,25	3,63	1,69		0,75					1,00			1,00	3,75	2,25	3,50	1,88	1,50	0,63		35,06
K.K TRÚC	N.Tú	Lê Đàm Ngọc	Tú																													0,75		0,75	2,00					3,50
K.K TRÚC	H.Vũ	Võ Hoàng	Vũ		0,75								1,25	1,63					1,00	1,75	1,25								0,75					1,50	0,50	0,75		0,50		11,63
K.K TRÚC	Th.Quý	Trần Thanh	Quý																2,50	1,25	1,75												1,38	1,25	0,50	0,75	0,75			10,13
K.K TRÚC	H.Dũng	Võ Huy	Dũng										0,63						4,13	5,00	6,13												1,25	1,25	2,50	1,13				22,00
K.K TRÚC																																								
K.DẠY NGHỀ																																								
K.DẠY NGHỀ	Q.Hòa	Lê Quý	Hòa		1,88								0,63	1,00			2,19	1,06	2,50	6,25	2,94	1,50							1,00	0,50		0,50		0,75	0,75					23,44
K.DẠY NGHỀ	B.Sáu	Nguyễn Bá	Sáu		3,38						0,94		1,38	1,00						4,13	6,69	3,94	1,50	2,25	0,50		0,75	0,50	1,00	2,00		0,50	3,50	4,25	0,50	1,13	0,75			40,56
K.DẠY NGHỀ	Tr.Thái	Trần Văn	Thái		5,13				0,75		1,88	0,50	1,38	1,13			3,06	3,00	4,63	8,75	6,63	2,94							0,50	0,50	1,50	0,50	2,50	4,50	2,63	5,75	2,25	0,63		61,00
K.DẠY NGHỀ	V.Hùng	Đỗ Văn	Hùng	0,94	1,63				0,75		0,75	0,50	0,50	0,50			1,38	1,50	3,13	3,38	2,50	0,50							1,00	0,50	0,75	1,75	2,13	4,50	1,88	1,38	2,13	0,63		34,56
K.DẠY NGHỀ	O																																							
K.KH CƠ BẢN																																								
K.KH CƠ BẢN	V.Đông	Lê Văn	Đông											0,50					1,25	1,00	2,50	0,75												0,75						6,75
K.KH CƠ BẢN	V.Dương	Đào Văn	Dương											1,13																										1,13
K.KH CƠ BẢN	V.Hiệp	Đoàn Văn	Hiệp									1,13				0,94					0,50												1,13	1,13						4,81
K.KH CƠ BẢN	V.Học	Lại Văn	Học																0,50	2,50	0,75																			3,75
K.KH CƠ BẢN	Th.Hồng	Ngô Thị	Hồng											1,50					1,88	4,38	4,50							0,94		0,50	0,75	0,50	2,50	3,13			0,75			21,31
K.KH CƠ BẢN	P.Lâm	Lê Phong	Lâm																0,63	0,75													0,50	0,75						2,63
K.KH CƠ BẢN	Th.Loan	Lê Thị	Loan																															1,88						1,88
K.KH CƠ BẢN	V.Minh	Nguyễn Văn	Minh																	2,13	1,25													0,75						4,13
K.KH CƠ BẢN	B.Phi	Nguyễn Bá	Phi											0,50						2,38	1,13													0,75						4,75
K.KH CƠ BẢN	O																																							
K.LL CHÍNH TRỊ																																								
K.LL CHÍNH TRỊ	T.Đạo	Nguyễn Thành	Đạo																																					
K.LL CHÍNH TRỊ	N.Dũng	Nguyễn Tấn	Dũng										0,63	1,13			1,13		0,75													0,75	2,00		3,94	0,50			10,81
K.LL CHÍNH TRỊ	X.Hội	Võ Xuân	Hội											0,50						2,75	1,88																			5,13
K.LL CHÍNH TRỊ	T.Mến	Lê Thị	Mến																1,25	2,38	1,75												0,75						6,13
K.LL CHÍNH TRỊ	T.Tiến	Nguyễn Thị	Tiến																1,25	2,88	1,75											0,75	0,50	2,13	1,13					10,38
K.LL CHÍNH TRỊ	P.Thảo	Vũ Thị Phương	Thảo		0,50																																			0,50
K.LL CHÍNH TRỊ	O																																							
TT.NN-TH																																								
TT.NN-TH	K.Cúc	Nguyễn Thị Kim	Cúc		0,50									0,63					1,63	4,25	1,75	0,75	2,00	0,75					0,50	0,50										13,25
TT.NN-TH	T.Lê	Đặng Tường	Lê																1,13	1,50	2,00	1,25	1,25	0,63	0,50				1,00	0,50										9,75
TT.NN-TH	M.Linh	Hồ Thị Mỹ	Linh											0,50						2,50	3,63	0,75	0,50	0,75		0,50		0,50	1,00											10,63
TT.NN-TH	T.Sơn	Trần Thái	Sơn		0,50								0,75					1,13		1,50	1,00	1,00					0,75				0,88		1,00	2,25						10,75
TT.NN-TH	T.Thủy	Măng Trần Thu	Thủy																										0,75											0,75
TT.NN-TH	L.Tín	Nguyễn Lê	Tín	1,25														2,44	3,13	1,50	3,38	1,75						0,75	0,50	1,50	1,75	0,75	1,75	2,25	0,75					23,44
TT.NN-TH	N.Tuấn	Bùi Nguyên	Tuấn																	1,50	2,50	0,75																		4,75
TT.NN-TH	O																																							
GV KIÊM NHIỆM																																								
GV KIÊM NHIỆM	V.Khôi(SV)	Lê Văn	Khôi(SV)																		1,38	1,69								0,50			0,50			0,75	0,63	0,75		6,19
GV KIÊM NHIỆM	V.Tường	Nguyễn Văn	Tường															0,75					0,50																	1,25
GV KIÊM NHIỆM	V.Sơn	Trần Văn	Sơn																													1,63	0,50	0,50		0,75				3,38
GV KIÊM NHIỆM	N.Thao	Trần Thị Nguyên	Thảo																															0,75	0,90						1,65
GV KIÊM NHIỆM	V.Danh	Dương Văn	Danh																			0,75											1,00	0,75							2,50
GV KIÊM NHIỆM	M.Ly	Ngô Vũ Mai	Ly															1,50			1,00																				2,50
GV KIÊM NHIỆM	Đ.Tâm	Lê Đức	Tâm																	1,00											0,75		2,30			2,80				6,85
GV KIÊM NHIỆM	Đ.Thành	Ngô Đình	Thành																2,38	2,13	2,25	0,75							0,50	0,50	0,75				1,25	0,50	0,75			11,75
GV KIÊM NHIỆM	Q.Huy	Nguyễn Quốc	Huy																	0,75																				0,75
GV KIÊM NHIỆM	Đ.Vinh	Đinh Văn	Vinh																																		0,75			0,75
GV KIÊM NHIỆM	T.Linh	Huỳnh Thúc	Linh																																2,00					2,00
GV KIÊM NHIỆM	K.Trang	Nguyễn Thị Khánh	Trang														1,13																								1,13
GV KIÊM NHIỆM	Th.Thân	Hồ Thị	Thân															0,75	1,25	0,75	1,50	0,75		1,13																	6,13
GV KIÊM NHIỆM	H.Thư	Tôn Nữ Hồng	Thư																		0,50																				0,50
GV KIÊM NHIỆM	O																																							

Phòng Quản lý Đào tạo

Nguyễn Hữu Toàn

TP.Khảo thí và ĐBCL

Dương Văn Danh

Tuy Hoà, ngày 4 tháng 9 năm 2020

Người lập

Trịnh Liên Hương